TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 9 - 2017
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Đặng Thị Đôi

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn T, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Hữu T1, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn 2, xã K1, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Hữu T1 lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán Việt Nam và có làm thủ

tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K1, huyện K vào ngày 06/7/2015. Sau khi kết hôn chị và anh T1 chung sống hòa thuận hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống; anh T1 tính tình nóng nảy, gia trưởng nên vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nhiều lần anh T1 còn đánh chị T1 trước sự chứng kiến của hàng xóm. Thực tế chị và anh T1 đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2017 đến nay không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh T1 để ổn định cuộc sống và sinh hoạt mới.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Hoàng A, sinh ngày 06/10/2016. Nếu ly hôn, chị T xin nhận nuôi cháu A. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh T không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Hữu T vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của anh Vũ Hữu T, thể hiện về thời điểm và hoàn cảnh lấy nhau giữa anh và chị Phạm Thị Thu T là phù hợp với lời trình bày của chị T. Anh T1 khẳng định quá trình chung sống với chị T vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Chị T ham chơi không chăm lo đến gia đình, thường đi chơi đến tối muộn mới về. Anh và gia đình có nhắc nhở nhưng chị T không nghe nên vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Trong lúc bực tức anh có tát chị T. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6/2017. Nay chị T xin ly hôn anh, anh Tưởng không đồng ý và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Vũ Hoàng A, sinh ngày 06/10/2016. Nếu ly hôn, anh xin nhận nuôi cháu Vũ Hoàng A. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản chung, công nợ: Anh và chị T không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt hai lần không có lý do vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy: Mâu thuẫn của chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị T phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227;

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn với anh T1. Về con chung chị T và anh T1 có 01 con chung là Vũ Hoàng A, sinh ngày 06/10/2016. Chị T và anh T1 đều có nguyện vọng nuôi con nhưng do con dưới 36 tháng tuổi. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Vũ Hoàng A cho chị T nuôi đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T và anh T1 tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh T1 đều khẳng định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Hữu T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu T và anh Vũ Hữu T1 có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1 vào ngày 06/7/2015, như vậy hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống. Anh T1 gia trưởng, nhiều lần đánh chị T. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 6/2017 đến nay không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T được ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Thu T và anh Vũ Hữu T1 có 01 con chung là Vũ Hoàng A, sinh ngày 06/10/2016. Mặc dù cả chị T và anh T1 đều có nguyện vọng nuôi con nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy do con chung dưới 36 tháng tuổi.

Chị T có chỗ ở, thu nhập ổn định và có nguyện vọng được nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con Vũ Hoàng A cho chị T nuôi. Về nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chị T và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị Phạm Thị Thu T và anh Vũ Hữu T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra trong vụ án.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu T và anh Vũ Hữu T1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58 và Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thu T và anh Vũ Hữu T1.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Hoàng A, sinh ngày 06/10/2016 cho chị T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị T và anh T1 tự thỏa thuận không yêu cầu. Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA. 0006154 ngày 02/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng; chị Phạm Thị Thu T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Vũ Hữu T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- UBND xã K1;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Giang